

Bản án số: 102/2022/DS-ST

Ngày 01 - 7 - 2022

V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn –Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Kh, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 97, đ , thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Lê Hoàng Đ; nơi cư trú: Kh, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị K; nơi cư trú: Kh, thị tr, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Nguyễn Văn Khải trình bày: Do quen biết nhau nên chị Trần Thị Trúc L có cho vợ chồng anh Lê Hoàng Đ và chị Phạm Thị K vay một số tiền; đồng thời anh Đ, chị K cũng có tham gia hội do chị L làm chủ hội. Sau một thời gian thì anh

Đ, chị Kợ của chị L tổng số tiền vay và tiền hụi là 505.000.000 đồng. Khi chị L yêu cầu trả nợ thì anh Đ, chị Kcho rằng không có khả năng trả nên có đề nghị chuyển nhượng lại mặt bằng mua bán nước đá tại Chợ Đầm Dơi cho chị L với giá 250.000.000 đồng, chị L đồng ý.

Đến ngày 06/5/2019 al anh Đ, chị Klàm giấy thỏa thuận nêu rõ số tiền anh Đ, chị Kợ chị L là 505.000.000 đồng, trừ tiền chuyển nhượng mặt bằng 250.000.000 đồng, còn nợ lại 255.000.000 đồng và hứa trả hàng tháng cho chị L là 5.000.000 đồng/tháng; đồng thời cam kết sẽ thực hiện đúng thỏa thuận. Tuy nhiên chỉ có anh Đ ký tên vào giấy thỏa thuận, anh Đ cho rằng chị Kcũng thống nhất nội dung thỏa thuận và sẽ ký tên sau. Tuy nhiên, sau đó anh Đ, chị Kđi làm ăn xa, không thực hiện việc trả tiền cho chị L theo thỏa thuận.

Chị L yêu cầu anh Đ và chị Kcó nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 255.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 06/5/2019 al đến ngày 14/02/2022 al là 140.817.800 đồng và lãi suất tính từ ngày 14/02/2022 al đến ngày xét xử.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản hợp lệ cho anh Lê Hoàng Đ, chị Phạm Thị Knhung anh Đ, chị Kkhông có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị L, không tham gia hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết hiện hành về án phí. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L về việc buộc anh Đ, chị Ktrả tiền vốn, lãi suất tính từ ngày 07/6/2019 al đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Hoàng Đ và chị Phạm Thị Kđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xuất phát từ việc vợ chồng anh Đ, chị Kợ tiền hụi và tiền vay của chị L, nên hai bên thống nhất anh Đ, chị Kgiao mặt bằng mua bán nước đá tại chợ Đầm Dơi cho chị L để trừ một phần nợ, phần còn lại hai bên làm giấy thỏa thuận vợ chồng anh Đ trả dần hàng tháng cho chị L, nhưng sau đó không thực hiện. Rõ ràng việc chị Kiều, anh Đ không trả tiền theo như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L, thấy rằng: Theo Giấy thỏa thuận ngày 06/5/2019 al thể hiện anh Đ ký tên thừa nhận anh và chị Kcó nợ khoản tiền hụi, vay của chị L là 505.000.000 đồng, đổi trừ số tiền chuyển nhượng lại mặt bằng mua bán nước đá tại Chợ Đầm Dơi cho chị L với giá 250.000.000 đồng thì còn nợ lại 255.000.000 đồng. Dù chị Kkhông có ký tên vào “Giấy thỏa thuận” nhưng chị Kđã nhận trực tiếp Thông báo của Tòa án, sau đó anh Đ và chị Kđã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ của Tòa án, cũng như tài liệu chứng cứ do chị L cung cấp nhưng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của chị

L. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do chị Kiều, anh Đ không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị L nên khẳng định việc vợ chồng chị Kiều, anh Đ có giao dịch tiền hụi, vay của chị L, sau đó đổi trừ còn nợ lại 255.000.000đ là có thật. Việc bà chị Kiều, anh Đ không trả nợ làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị L nên buộc chị Kiều, anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền trên là phù hợp theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét yêu cầu trả lãi từ ngày 06/5/2019 al đến ngày 02/6/2022 al (ngày xét xử sơ thẩm), mức lãi suất 20%/năm bằng 156.683.332 đồng, thấy rằng: Anh Khải thừa nhận khi chị L và anh Đ thỏa thuận bán mặt bằng mua bán nước đá 250.000.000đ để đổi trừ số tiền 505.000.000đ thì hai bên viết “Giấy thỏa thuận” ngày 06/5/2019, nội dung Giấy thỏa thuận có đoạn kết “*Vợ chồng tôi cam kết trả lãi hàng tháng cho chị L*”. Như vậy theo thỏa thuận này thì nếu hết tháng mà anh Đ, chị K không trả thì mới vi phạm thỏa thuận, tức từ ngày 07/6/2019 al mới phát sinh lãi, chứ không phải tính lãi kể từ ngày 06/5/2019 al như chị L yêu cầu.

[5] Về mức lãi suất 20%/năm mà chị L yêu cầu thấy rằng: Như nhận định trên, đây là quan hệ pháp luật thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nhưng do các bên không có thỏa thuận mức lãi suất cụ thể nên căn cứ vào quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, mức lãi suất được tính bằng 50% mức lãi suất 20%/năm mới đúng qui định của pháp luật. Như vậy lãi từ ngày 07/6/2019 al đến 02/6/2022 al là 35 tháng 25 ngày, lãi 10%/năm, cụ thể lãi suất được tính như sau: $255.000.000đ \times 10\%/năm \times 35 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 75.841.125đ$. Do đó tổng cộng vốn lãi buộc anh Đ, chị K phải trả cho chị L là 330.841.125 đồng.

Trường hợp tính lãi suất 20%/năm như chị L yêu cầu, từ ngày 06/5/2019 đến ngày xét xử là 36 tháng 26 ngày thì mức lãi suất là $255.000.000đ \times 36 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} \times 20\%/năm = 156.683.332 \text{ đồng}$.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ, bà K phải chịu 5% tương ứng với số tiền phải trả cho chị L. Còn chị L phải chịu án phí 5% đối với số tiền lãi không được chấp nhận là 80.842.207 đồng (156.683.332 đồng - 75.841.125 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 5, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L. Buộc anh Lê Hoàng Đ và chị Phạm Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị

Trúc L tổng vốn, lãi là 330.841.125 đồng (Ba trăm ba mươi triệu tám trăm bốn mươi một nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị L cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng anh Đ, chị K phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L về việc yêu cầu anh Lê Hoàng Đ và chị Phạm Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị Trúc L số tiền lãi là 80.842.207 đồng (tám mươi triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm lẻ bảy đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Hoàng Đ và chị Phạm Thị K phải chịu là 16.542.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

- Chị Trần Thị Trúc L phải chịu là 4.042.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.895.000 đồng theo biên lai số 0012084 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.853.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ, chị K có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Liêu Chí Khanh

